

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v: Tranh chấp về ly hôn  
và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Kim Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Ông Nguyễn Văn Trọn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị G, sinh năm 1989. Địa chỉ: 3/378A, khu phố Nội ôA, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ô2/100, khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần làm việc nguyên đơn Huỳnh Thị Giang trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD vào năm 2008. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay mà không bàn việc đoàn tụ.

Nguyên nhân do chung sống không hợp nhau, anh T không quan tâm gia đình, thường xuyên đi chơi vắng nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Nữ trang vàng cưới: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, chị đã bán trong thời gian chung sống với anh Tuấn.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-12-2007, chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh và chị G chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, có nhiều khoảng cách trong cuộc sống gia đình nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G.

Con chung đồng ý giao chị G nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của nguyên đơn chị G kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T, chị G được ly hôn với anh T; về con chung: Giao chị G nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-12-2007, chị G không yêu cầu cấp dưỡng nên cần ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị G và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G và anh T chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD. Do đó, hôn

nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị Giang có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị G thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian ly thân kéo dài từ năm 2009 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ được với nhau. Ngoài ra theo chị G, anh T không quan tâm gia đình, thường xuyên đi chơi vắng nhà. Theo bản tự khai thể hiện anh T cũng đồng ý ly hôn, do đó mâu thuẫn giữa anh chị trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-12-2007, chị G yêu cầu được nuôi, anh T đồng ý nên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị G đối với anh Nguyễn Thanh T. Chị G được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18-12-2007. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012249 ngày 06 -10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Chị G đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kim Quyên**